

SỐ LIỆU CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH 2025
ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ

Phần I: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số	Loại 400		Loại 070
				Tổng loại 400	Khoản 428	Khoản 085
A	B	C	1	2		3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC					
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	3	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	0	0		0
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	6	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	0	0		0
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9	0			0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	0	0	0	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15				0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	0			0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	0		0	0
	- Kinh phí đã nhận	31	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	0			0
7.2	7.2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	0		0	0
	- Kinh phí đã nhận	34	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	0			0
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI		0			
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI		0			